

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**
Số 399/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Kon Tum, ngày 14 tháng 04 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh
và Kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm 2016 - 2020 của
Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon Plông**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp năm 2014;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 99/2012/NĐ-CP ngày 15/11/2012 của Chính phủ về phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với doanh nghiệp Nhà nước và vốn Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 328/SKHĐT-KTVX ngày 17/03/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch sản xuất, kinh doanh và Kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm 2016 - 2020 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon Plông, với những nội dung chính sau:

1. Mục tiêu tổng quát.

- Triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích do Ủy ban nhân dân tỉnh và Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh đặt hàng hàng năm. Ưu tiên thực hiện trồng, chăm sóc rừng trồng sau khai thác, đồng thời, gắn việc trồng rừng với tiêu thụ nhằm tăng hiệu quả trồng rừng.

- Tập trung triển khai thực hiện Phương án Sản xuất kinh doanh rừng trồng theo hướng bền vững giai đoạn 2015-2020 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Văn bản số 1905/UBND-KTN ngày 21/8/2015 với mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận.

- Đây mạnh phát triển sản xuất đồng thời chú trọng xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, sử dụng người lao động địa phương, đảm bảo không ngừng tăng năng suất và thu nhập của người lao động.

2. Mục tiêu cụ thể.

a) Các chỉ tiêu chủ yếu giai đoạn 2016-2020:

- Tổng doanh thu bình quân đạt khoảng 20.658 triệu đồng/năm, mức tăng bình quân khoảng 40%/năm.

- Tổng lợi nhuận sau thuế bình quân đạt khoảng 2.258 triệu đồng/năm, mức tăng bình quân khoảng 111%/năm.

- Mức nộp ngân sách bình quân đạt khoảng 1.408 triệu đồng/năm, mức tăng bình quân khoảng 22,2%/năm.

b) Các chỉ tiêu về sản phẩm chính và dịch vụ bảo vệ rừng giai đoạn 2016-2020:

- Sản lượng gỗ khai thác và chặt nuôi dưỡng rừng trồng đạt khoảng 28.670,5m³; bình quân khoảng 7.167,6 m³/năm.

- Sản lượng khai thác nhựa thông đạt khoảng 814 tấn; bình quân khoảng 162,8 tấn/năm.

- Sản lượng ván ghép thanh đạt khoảng 4.095,1 m³; bình quân khoảng 1.023,8 m³/năm.

- Diện tích bảo vệ rừng từ nguồn dịch vụ môi trường rừng hằng năm (phần Công ty tự tổ chức bảo vệ) 14.148,4 ha.

(Chi tiết tại Phụ lục 01 đính kèm)

3. Danh mục đầu tư giai đoạn 2016-2020.

Dự kiến tổng giá trị đầu tư các dự án giai đoạn 2016-2020 là 16.689 triệu đồng từ các nguồn vốn: Ngân sách Nhà nước, vốn chủ sở hữu, vốn vay, nguồn thu dịch vụ môi trường rừng, vốn huy động khác của Công ty.

Trong đó:

- Đầu tư mua sắm máy móc thiết bị và xây dựng cơ bản: 8.350 triệu đồng.

- Trồng rừng sau khai thác: 8.339 triệu đồng

(Chi tiết tại Phụ lục 02 đính kèm)

4. Giải pháp thực hiện.

- Giải pháp về đất đai: Lập phương án sử dụng đất trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đối với phần diện tích mà Công ty tiếp tục giữ lại để quản lý, sử dụng sau khi thực hiện sắp xếp. Phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan liên quan giải quyết các tồn tại, vướng mắc về đất đai, đồng thời tổ chức bàn giao về địa phương quản lý sử dụng phần diện tích mà Công ty không có nhu cầu sử dụng theo Phương án sử dụng đất được duyệt.

Tăng cường công tác quản lý sử dụng đất lâm nghiệp chặt chẽ, thống nhất, đúng mục đích, hiệu quả ngày càng cao gắn với ổn định dân cư theo quy hoạch, giữ gìn an ninh trật tự và phát triển kinh tế xã hội ở địa phương.

- Giải pháp về bảo vệ, phát triển rừng: Chú trọng các biện pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả rừng trồng sau khai thác theo hướng bền vững, đảm bảo giống cây trồng rừng có chất lượng; tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng theo đơn đặt hàng của tỉnh và nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng; tổ chức mạng lưới bảo vệ rừng một cách khoa học nhằm bảo vệ và phát triển vốn rừng hiện có; áp dụng các kỹ thuật lâm sinh hiện đại, thích hợp.

- Giải pháp về thị trường: Xác định thị trường nội địa trong và ngoài tỉnh là đối tượng chủ yếu hướng đến trong việc tiêu thụ sản phẩm ván ghép thanh, gỗ tròn và nhựa thông thô.

Trong những năm đầu, định hướng mục tiêu tiếp thị trong tỉnh và thị trường thành phố Hồ Chí Minh, mục tiêu tiếp thị kế tiếp là các tỉnh duyên hải Miền Trung; sản phẩm sẽ được tiêu thụ thông qua các đại lý bán hàng, ngoại trừ gỗ tròn sẽ được tổ chức bán đấu giá theo quy định...

- Giải pháp về tài chính, tín dụng: Để đảm bảo đủ vốn trong hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty tổ chức định giá rừng sản xuất là rừng trồng trong địa giới của Công ty trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt làm cơ sở giao vốn, liên doanh, liên kết, thế chấp vay vốn theo quy định.

Tăng cường công tác quản lý tài chính. Tăng cường kiểm tra, kiểm soát, đề xuất các biện pháp cắt giảm chi phí quản lý. Thực hiện các biện pháp tích cực, có hiệu quả để cải thiện tình hình tài chính, đặc biệt là tình hình công nợ tồn đọng và tiến dần đến lành mạnh hóa tình hình tài chính của Công ty trong thời gian nhanh nhất. Triển khai thực hiện có hiệu quả Quy chế quản lý nợ của Công ty nhằm hạn chế các khoản nợ đọng, giảm thiểu đến mức thấp nhất các khoản nợ phải thu khó đòi.

Đa dạng hóa hình thức huy động vốn để trang trải cho nhu cầu sản xuất kinh doanh theo kế hoạch. Trong đó, chú trọng tăng cường quan hệ với các ngân hàng.

- Giải pháp về công tác quản lý: Tăng cường công tác quản trị trong tất cả các lĩnh vực nhằm nâng cao hiệu quả. Xây dựng và ban hành quy chế trả lương theo nguyên tắc tiền lương phải gắn với chất lượng và hiệu quả lao động.

- Giải pháp về đào tạo nguồn nhân lực: Đào tạo lao động thông qua các lớp tập huấn, cung cấp sách báo tài liệu hướng dẫn, tổ chức tham quan học tập, nhằm không ngừng nâng cao trình độ và tay nghề cho người lao động.

Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cho lực lượng làm công tác quản lý bảo vệ rừng nhằm nâng cao nhận thức về chủ trương chính sách pháp luật, năng lực chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ được giao. Duy trì và từng bước tăng chỉ tiêu biên chế cũng như chế độ chính sách đối với lực lượng làm công tác quản lý bảo vệ rừng, tích cực cải thiện điều kiện,

phương tiện làm việc, nghiên cứu bổ sung kinh phí có tính chất đặc thù đối với hoạt động quản lý bảo vệ rừng theo quy định hiện hành.

- Giải pháp về khoa học và công nghệ: Thực hiện tốt việc áp dụng khoa học, công nghệ trong chọn tạo, sản xuất giống thông, tạo ra nguồn cây giống có chất lượng tốt; triển khai áp dụng các giải pháp lâm sinh, xây dựng các mô hình trồng rừng theo hướng bền vững; đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ và thực hiện các giải pháp tăng năng suất lao động, giảm chi phí trong hoạt động sản xuất, kinh doanh; trong bảo quản sản phẩm nhựa thông sau thu hoạch, nghiên cứu cải tiến dụng cụ, kho bảo quản nhựa thông thô tại các đội thu gom.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thường xuyên kiểm tra, đánh giá tình hình hoạt động của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon Plông, bảo đảm doanh nghiệp thực hiện đúng kế hoạch đã được phê duyệt. Đồng thời kịp thời xử lý những phát sinh cần giải quyết trong quá trình thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh và Kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm 2016 - 2020; trường hợp vượt thẩm quyền, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo.

2. Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao tạo điều kiện hỗ trợ để Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon Plông triển khai thực hiện tốt chiến lược phát triển 2016-2025, Kế hoạch sản xuất kinh doanh và Kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm 2016-2020.

3. Chủ tịch, Giám đốc Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon Plông chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện, bảo đảm hoàn thành Kế hoạch đã được phê duyệt theo đúng quy định. Định kỳ hàng năm báo cáo việc thực hiện kế hoạch và những vướng mắc, khó khăn phát sinh trong quá trình thực hiện gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Giám đốc: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Nội vụ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và Chủ tịch, Giám đốc Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon Plông chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PVP UBND tỉnh (KT);
- Lưu: VT, KT5.

Q

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hữu Hải

CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH GIAI ĐOẠN 2016-2020
CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP KON PLÔNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 399/QĐ-UBND ngày 14/4/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

| TT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Thực hiện 2015 | Kế hoạch các năm | | | | |
|----|---|----------------|-------------------|------------------|----------|----------|----------|----------|
| | | | | Năm 2016 | Năm 2017 | Năm 2018 | Năm 2019 | Năm 2020 |
| 1 | Doanh thu | Tr.đồng | 10.851 | 9.063 | 30.056 | 26.134 | 28.187 | 9.852 |
| | Trong đó: | | | | | | | |
| - | Tùy dịch vụ môi trường rừng | Tr.đồng | 4.952 | 4.952 | 4.952 | 4.952 | 4.952 | 4.952 |
| - | Tùy hoạt động sản xuất kinh doanh khác | Tr.đồng | 5.899 | 4.111 | 25.104 | 21.182 | 23.235 | 4.900 |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế | Tr.đồng | 498 | 117 | 5.410 | 2.904 | 5.066 | 619 |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế | Tr.đồng | 398 | 94 | 4.328 | 2.323 | 4.053 | 495 |
| 4 | Nộp ngân sách | Tr.đồng | 1.935 | 239 | 2.563 | 1.652 | 2.211 | 376 |
| 5 | Sản phẩm chủ yếu và dịch vụ | | | | | | | |
| - | Gỗ tròn | m ³ | 1.671 | 927 | 10.328 | 7.730 | 9.682 | |
| - | Củi | Ste | 2.403 | | 1.873 | 1.578 | 1.976 | |
| - | Nhựa thông thô | Tấn | | 95 | 212 | 210 | 149 | 149 |
| - | Ván ghép thanh | m ³ | | 132 | 1.475 | 1.104 | 1.383 | |
| - | Khoán bảo vệ rừng (Công ty tự tổ chức bảo vệ) | ha | | 14.148 | 14.148 | 14.148 | 14.148 | 14.148 |

DANH MỤC ĐẦU TƯ GIẢI ĐOẠN 2016-2020 CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP KON PLÔNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 399/QĐ-UBND ngày 19/4/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

| TT | DANH MỤC DỰ ÁN | TỔNG CỘNG | Kế hoạch các năm | | | | | Ghi chú |
|-----|---|---------------|------------------|--------------|--------------|--------------|--------------|----------------|
| | | | Năm 2016 | Năm 2017 | Năm 2018 | Năm 2019 | Năm 2020 | |
| I | MÁY MÓC, THIẾT BỊ | 5.600 | 1.800 | 3.800 | | | | |
| 1 | Mua mới dây chuyền chế biến gỗ | 4.000 | 1.500 | 2.500 | | | | |
| 2 | Mua mới máy cày | 600 | 300 | 300 | | | | |
| 3 | Mua mới xe ô tô phục vụ công tác | 1.000 | | 1.000 | | | | |
| II | XÂY DỰNG CƠ BẢN | 2.750 | 2.750 | | | | | |
| 1 | Phục hồi và nâng cấp tài sản có phục vụ chế biến gỗ | 1.750 | 1.750 | | | | | |
| | Trong đó: | 0 | | | | | | |
| - | Lò sấy gỗ | 1.000 | 1.000 | | | | | |
| - | Nhà xưởng | 150 | 150 | | | | | |
| - | Nhà kho | 600 | 600 | | | | | |
| 2 | Đầu tư sửa chữa, nâng cấp trụ sở chính Công ty | 1.000 | 1.000 | | | | | |
| III | TRỒNG RỪNG | 8.339 | | | 1.715 | 2.607 | 4.017 | Vốn chủ sở hữu |
| 1 | Trồng rừng sau khai thác | 8.339 | | | 1.715 | 2.607 | 4.017 | |
| | TỔNG CỘNG | 16.689 | 4.550 | 3.800 | 1.715 | 2.607 | 4.017 | |